

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Trang P, sinh năm: 1983 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Nơi đăng ký HKTT: ấp TO, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: đường a, khu phố b, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm: 1977 (*Vắng mặt không lý do*).

- Con chung của bà Thạch Thị Trang P và ông Trần Văn Th là Trần Thạch Tấn H, sinh ngày 13-01-2010 và Trần Thạch Quỳnh N, sinh ngày 02-8-2011 (*Cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

Cùng địa chỉ: ấp TO, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2022, bản tự khai ngày 02-3-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Trang P trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Th đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2008 nhưng đến ngày 06-7-2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA. Không có nữ trang cưới. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Cho đến khoảng

năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, ông Th thường hay rượu chè say xỉn, vô cớ chửi mắng bà, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Trần Văn Th.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn Th có 02 người con chung là Trần Thạch Tấn H, sinh ngày 13-01-2010 và Trần Thạch Quỳnh N, sinh ngày 02-8-2011, hiện đang sống chung với ông Th. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.600.000 đồng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà thay đổi phần yêu cầu này là do 02 con chung đều đã trên 07 tuổi nên tùy nguyện vọng của các con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, bà và ông Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông Trần Văn Th quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung gồm: Một xe mô tô hiệu Wave @ màu đỏ, biển số 84L1-24004, trị giá 19.300.000 đồng; Một căn nhà lá cất trên đất của cha mẹ chồng). Khi ly hôn, bà và ông Th sẽ tự thỏa thuận về tài sản, chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Trần Văn Th không nợ của ai, cũng không ai nợ của ông bà, nên không yêu cầu giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, bà không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị Trang P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Đối với bị đơn ông Trần Văn Th:* Từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với người thân của ông Th và với chính quyền địa phương ấp TO, xã TA cho biết ông Th có hộ khẩu thường trú và sinh sống địa phương từ năm 2011 đến nay, ban ngày ông Th đi giữ vịt mướn, nên ít khi có mặt ở nhà; Bà A (mẹ của ông Th) xác nhận có giao các văn bản tố tụng cho ông Th biết việc Tòa án triệu tập ông Th đến Tòa để giải quyết vụ án ly hôn với bà Thạch Thị Trang P, nhưng do ông Th bận đi làm nên không đi được. *Tại phiên tòa hôm nay*, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Th đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông Th tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

** Tại hai đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 27-4-2023, cháu Trần Thạch Tấn H và cháu Trần Thạch Quỳnh N cùng trình bày:* Cha mẹ của hai cháu là Trần Văn Th và Thạch Thị Trang P. Từ nhỏ đến giờ hai cháu sống chung với cha đã quen. Nên khi cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của hai cháu là muốn được sống chung với cha.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời

điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Trang P: Cho bà P được ly hôn với ông Trần Văn Th; Về con chung là Trần Thạch Tấn H, sinh ngày 13-01-2010 và cháu Trần Thạch Quỳnh N, sinh ngày 02-8-2011 giao cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của hai con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự chưa có yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp, chưa yêu cầu, nên không xem xét; Về nợ chung: Bà Phụng xác định không có; Ông Th không ý kiến trình bày, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Thạch Thị Trang P là nguyên đơn, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P theo luật định. Đối với ông Trần Văn Th là bị đơn, đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do. Ngày 12-5-2023, Tòa án triệu tập hợp lệ ông Th đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Th vắng mặt không lý do. Ngày 22-5-2023, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông Th để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Th vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn Th.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Thạch Thị Trang P và ông Trần Văn Th xác lập quan hệ hôn nhân (làm lễ cưới) vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

TA vào ngày 06-7-2011, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà P trình bày nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, ông Th thường hay rượu chè say xỉn, vô cớ chửi mắng bà, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà P cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Th. Đối với ông Th biết việc bà P xin ly hôn với ông, được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,... nhưng ông vẫn không đến Tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông với bà P có khả năng hàn gắn hạnh phúc.

[3] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 27-4-2023 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp TO, xã TA, với người thân của ông Th đều cho biết: Sau ngày cưới, bà P, ông Th sống chung bên quê của ông Th tại ấp TO, xã TA, huyện C, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa hai ông bà, nhưng có biết giữa vợ chồng bà P, ông Th có xảy ra mâu thuẫn với nhau, rồi bà P tự bỏ đi khỏi nhà chồng và sống ly thân với ông Th từ khoảng tháng 4 năm 2021 đến nay. Về tài sản chung hay nợ chung thì tại địa phương ấp TO, xã TA không ai tranh chấp hay khiếu nại gì đối với bà P, ông Th. Do bà P, ông Th sống ly thân đã 02 năm nay mà không hàn gắn lại được, nên đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 02-3-2023, 30-3-2023 để bà P, ông Th có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do. Ông Th không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà P.

[5] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà P, ông Th làm lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA ngày 06-7-2011. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian dài cho đến năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, đã có những lời nói không chuẩn mực, dẫn đến cự cãi, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi. Trong suốt thời gian sống ly thân, ông bà vẫn không thể hàn gắn lại hôn nhân.

[6] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng bà P, ông Th đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà P, ông Th đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho bà P được ly hôn với ông Th.

[8] *Về con chung*: Bà Thạch Thị Trang P và ông Trần Văn Th có hai người con chung tên Trần Thạch Tấn H, sinh ngày 13-01-2010 và Trần Thạch Quỳnh N, sinh ngày 02-8-2011, hiện đang sống chung với ông Th. Khi ly hôn, theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu được quyền nuôi hai con và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con 1.600.000 đồng/tháng đến khi hai con đủ 18 tuổi. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà P thay đổi yêu cầu này là tùy hai con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, bà và ông Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại các đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 27-4-2023, hai con chung đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 27-4-2023 của Tòa án với người thân của ông Th và với chính quyền địa phương ấp TO, xã TA đều cho biết trong thời gian ông Th, bà P sống ly thân thì hai con chung sống bên nội, do ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Do đó, cần xử cho ông Th được quyền nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung. Vì các đương sự chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với bà Thạch Thị Trang P xác định tự thỏa thuận về tài sản với ông Trần Văn Th, chưa đặt ra yêu cầu giải quyết; Đối với ông Th không có ý kiến trình bày, không tranh chấp, không cung cấp chứng cứ gì, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[10] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Thạch Thị Trang P xác định không nợ ai, cũng không ai nợ chung của bà và ông Trần Văn Th, nên không yêu cầu giải quyết; Đối với ông Th không ý kiến trình bày, không tranh chấp, không cung cấp chứng cứ gì, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[11] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Thạch Thị Trang P có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[12] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Trang P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Trang P được ly hôn với ông Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thạch Tấn H, sinh ngày 13-01-2010 và Trần Thạch Quỳnh N, sinh ngày 02-8-2011 cho ông Trần Văn Th tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Trang P và ông Trần Văn Th chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Thạch Thị Trang P và ông Trần Văn Th không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thạch Thị Trang P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013721 ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TA;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo